



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84-24) 6281.1281

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ. Hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch	
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên	
Ông Nguyễn Thạch Em	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Trịnh Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Bà Ngô Thị Tú Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Võ Văn Đước	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thạch Em	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Phúc Như	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Quang Khánh	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2021
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Lãnh đạo Công ty và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty và Kế toán trưởng đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Theo ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán: “ghi nhận bổ sung giá vốn vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 sẽ làm cho “Giá vốn hàng bán” tăng lên với số tiền 7.000.000.000 đồng” và vấn đề lưu ý của Kiểm toán “Công ty chưa hoàn thành thủ tục đăng ký và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với phần vốn góp của chủ sở hữu đã ghi nhận tăng trong năm 2019 là 805.548.564 đồng”. Ban Lãnh đạo ghi nhận để báo cáo Người Đại diện pháp luật làm rõ cho Cổ đông Công ty biết.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2022

TM. BAN LÃNH ĐẠO
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khắc Em

Số: 89../2022/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty ghi nhận thiếu giá vốn các công trình vệ sinh đô thị với số tiền là 7.000.000.000 đồng. Nếu thực hiện ghi nhận bổ sung giá vốn vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 sẽ làm cho “Giá vốn hàng bán” tăng lên với số tiền 7.000.000.000 đồng; “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” cùng giảm đi số tiền là 7.000.000.000 đồng. “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán cùng giảm đi số tiền là 7.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviet.vn / Web: www.aascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, phần vốn góp của chủ sở hữu Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ ghi nhận là 54.249.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận tăng trong năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là 805.548.564 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục đăng ký và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với phần vốn góp của chủ sở hữu đã ghi nhận tăng (805.548.564 đồng) nêu trên. Đồng thời đến thời điểm này, phần vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm vẫn chưa được trung tâm lưu ký chứng khoán lưu ký bổ sung.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.740.466.195	51.119.631.191
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	13.536.185.234	11.022.762.663
1.	Tiền	111		9.536.185.234	7.022.762.663
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	4.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13.500.000.000	13.500.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.500.000.000	13.500.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.695.173.596	13.588.599.362
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.159.394.527	10.613.419.259
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	455.951.500	136.891.500
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.079.827.569	3.184.294.372
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(346.005.769)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	7.970.022.203	12.989.449.640
1.	Hàng tồn kho	141		7.970.022.203	12.989.449.640
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		39.085.162	18.819.526
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	39.085.162	18.819.526
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.296.426.415	10.994.586.986
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		8.693.583.012	10.536.474.062
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	8.693.583.012	10.536.474.062
	- Nguyên giá	222		65.299.627.915	65.299.627.915
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.606.044.903)	(54.763.153.853)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	128.164.545	322.453.634
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		128.164.545	322.453.634
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		474.678.858	135.659.290
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	474.678.858	135.659.290
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.036.892.610	62.114.218.177

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		6.718.780.979	6.153.240.732
I.	Nợ ngắn hạn	310		6.718.780.979	6.153.240.732
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.144.799.394	3.112.930.952
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	175.473.260	136.115.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	306.645.886	649.668.598
4.	Phải trả người lao động	314		1.754.556.690	1.785.371.543
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	211.239.831	340.088.721
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		126.065.918	129.065.918
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.318.111.631	55.960.977.445
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	50.151.136.206	55.758.221.560
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.249.000.000	54.249.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.249.000.000	54.249.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.097.863.794)	1.509.221.560
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.509.221.560	1.366.999.850
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(5.607.085.354)	142.221.710
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		166.975.425	202.755.885
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		166.975.425	202.755.885
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.036.892.610	62.114.218.177

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cần Thơ ngày 28 tháng 3 năm 2022





GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trạch Em

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

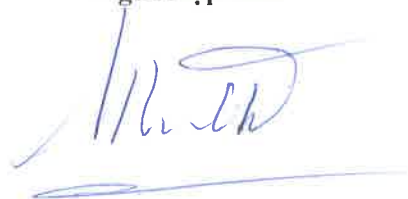
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	63.479.843.913	66.614.109.106
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.479.843.913	66.614.109.106
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	60.530.483.604	58.076.605.983
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.949.360.309	8.537.503.123
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	817.417.442	982.410.763
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	-	23.184.158
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	23.184.158
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	8.676.404.299	9.438.047.240
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.909.626.548)	58.682.488
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	134.941.604	449.316.581
12.	Chi phí khác	32	VI.06	832.400.410	298.940.629
13.	Lợi nhuận khác	40		(697.458.806)	150.375.952
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.607.085.354)	209.058.440
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	66.836.730
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.607.085.354)	142.221.710
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(1.034)	26
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(1.034)	26

Người lập biểu

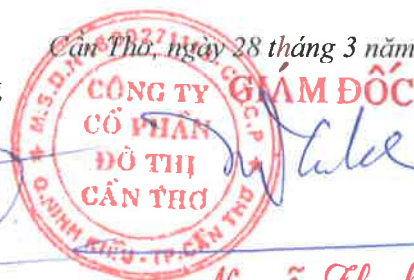


Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu



Nguyễn Thạch Em

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		68.189.675.500	69.788.531.412
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.840.344.576)	(29.682.457.759)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.308.776.900)	(29.166.887.919)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	(23.184.158)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(20.265.636)	(464.162.958)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		892.539.280	1.023.317.069
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.253.448.566)	(13.622.078.183)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.659.379.102	(2.146.922.496)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(161.077.537)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.500.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.100.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		854.043.469	1.130.217.610
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		854.043.469	6.569.140.073

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	1.945.337.438
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.945.337.438)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.513.422.571	4.422.217.577
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.022.762.663	6.600.545.086
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		13.536.185.234	11.022.762.663

Người lập biểu



Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2022



GIAM ĐỐC



Nguyễn Khắc Em

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	201.762.906	93.878.624
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.334.422.328	6.928.884.039
- Các khoản tương đương tiền(*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>13.536.185.234</u>	<u>11.022.762.663</u>

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tây Đô và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cần Thơ. Lãi suất 3,5%/năm.

02. Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn(*)	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
Cộng	<u>13.500.000.000</u>	<u>13.500.000.000</u>	<u>13.500.000.000</u>	<u>13.500.000.000</u>

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Cần Thơ. Lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>10.159.394.527</i>	<i>10.613.419.259</i>
- Phòng quản lý đào tạo quận Ninh Kiều	-	2.272.590.000
- Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ninh Kiều	5.546.638.000	3.309.903.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.612.756.527	5.030.926.259
Cộng	<u>10.159.394.527</u>	<u>10.613.419.259</u>

04. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>455.951.500</i>	<i>136.891.500</i>
- Công ty TNHH Cơ khí và Quảng cáo Huy Nam	417.050.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	38.901.500	136.891.500
Cộng	<u>455.951.500</u>	<u>136.891.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	2.079.827.569	-	3.184.294.372	-
- Tạm ứng	1.098.124.144	-	2.116.647.019	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.900.000	-	13.450.000	-
- Phải thu khác	954.803.425	-	1.054.197.353	-
+ Lãi dự thu	213.084.932	-	249.710.959	-
+ Các khoản phải thu khác	741.718.493	-	804.486.394	-
Cộng	2.079.827.569	-	3.184.294.372	-

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban QLDA Điện nông thôn Hậu Giang	-	-	46.568.339	-
- Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 75	-	-	104.185.609	-
- Các đối tượng khác	-	-	195.251.821	-
Cộng	-	-	346.005.769	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	62.406.890	-	189.515.927	-
- Công cụ, dụng cụ	443.404.134	-	272.262.534	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.464.211.179	-	12.527.671.179	-
Cộng	7.970.022.203	-	12.989.449.640	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	128.164.545	322.453.634
- Mua sắm	-	180.000.000
+ Sửa chữa TSCĐ	-	180.000.000
- Xây dựng cơ bản	128.164.545	142.453.634
+ Sửa chữa, xây dựng kho Đội sửa chữa 396 CMT8	128.164.545	142.453.634
ộng	128.164.545	322.453.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.191.330.643	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.299.627.915
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.191.330.643	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.299.627.915
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.137.079.220	1.988.350.611	49.588.014.022	49.710.000	54.763.153.853
- Khấu hao trong năm	179.960.664	133.333.332	1.529.597.054	-	1.842.891.050
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.317.039.884	2.121.683.943	51.117.611.076	49.710.000	56.606.044.903
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.054.251.423	311.111.116	9.171.111.523	-	10.536.474.062
2. Tại ngày cuối năm	874.290.759	177.777.784	7.641.514.469	-	8.693.583.012

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 47.774.722.285 đồng.

10. Chi phí trả trước

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	474.678.858	135.659.290
Cộng	474.678.858	135.659.290

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	4.144.799.394	4.144.799.394	3.112.930.952	3.112.930.952
- Cửa hàng Điện Công Nghiệp Gia Khanh	577.554.000	577.554.000	230.681.500	230.681.500
- Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99	1.336.049.395	1.336.049.395	836.206.194	836.206.194
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.231.195.999	2.231.195.999	2.046.043.258	2.046.043.258
Cộng	4.144.799.394	4.144.799.394	3.112.930.952	3.112.930.952

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	175.473.260	175.473.260	136.115.000	136.115.000
- Hiệp hội Môi trường Đô thị & Khu công nghiệp Việt Nam	50.000.000	50.000.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	125.473.260	125.473.260	136.115.000	136.115.000
Cộng	175.473.260	175.473.260	136.115.000	136.115.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	649.668.598	3.396.944.487	3.739.967.199	-	306.645.886
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.819.526	-	-	20.265.636	39.085.162	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.355.114	2.355.114	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	486.092.812	486.092.812	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	18.819.526	649.668.598	3.888.392.413	4.251.680.761	39.085.162	306.645.886

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	211.239.831	340.088.721
- Kinh phí công đoàn	35.921.616	37.310.656
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.200.000	63.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.118.215	239.578.065
+ Các đối tượng khác	<i>112.118.215</i>	<i>239.578.065</i>
Cộng	211.239.831	340.088.721

15. Vốn chủ sở hữu*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.249.000.000	1.366.999.850	55.615.999.850
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	142.221.710	142.221.710
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	54.249.000.000	1.509.221.560	55.758.221.560
Số dư đầu năm nay	54.249.000.000	1.509.221.560	55.758.221.560
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	(5.607.085.354)	(5.607.085.354)
Tăng khác	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	54.249.000.000	(4.097.863.794)	50.151.136.206

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	27.666.990.000	51	27.666.990.000	51
- Các cổ đông khác	26.582.010.000	49	26.582.010.000	49
Cộng	54.249.000.000	100	54.249.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	54.249.000.000	54.249.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	54.249.000.000	54.249.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.424.900	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	5.424.900
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.479.843.913	66.614.109.106
Cộng	63.479.843.913	66.614.109.106

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	60.530.483.604	58.076.605.983
Cộng	60.530.483.604	58.076.605.983

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	817.417.442	982.410.763
Cộng	817.417.442	982.410.763

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	23.184.158
Cộng	-	23.184.158

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	390.000.000
- Tiền bồi thường bảo hiểm xe nhận được	106.958.850	-
- Các khoản khác	27.982.754	59.316.581
Cộng	134.941.604	449.316.581

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Hỗ trợ các hoạt động xã hội	71.728.753	183.000.000
- Các khoản bị phạt về việc thi hành án theo Quyết định của Tòa án và giải quyết tiền lương của công nhân xe bus năm 2014	751.566.645	18.000.000
- Các khoản khác	9.105.012	97.940.629
Cộng	832.400.410	298.940.629

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	8.676.404.299	9.438.047.240
- Chi phí nhân viên quản lý	4.644.915.990	4.310.957.122
- Chi phí đồ dùng văn phòng	93.826.387	90.040.836
- Chi phí khấu hao TSCĐ	147.994.416	147.994.416
- Thuế, phí và lệ phí	342.415.168	378.217.920
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.196.894	1.119.026.777
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.318.055.444	3.391.810.169
Cộng	8.676.404.299	9.438.047.240

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	66.836.730
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	66.836.730

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.607.085.354)	142.221.710
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.607.085.354)	142.221.710
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.424.900	5.424.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.034)	26

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.607.085.354)	142.221.710
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.607.085.354)	142.221.710
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.424.900	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.034)	26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.811.491.576	11.359.130.421
- Chi phí nhân công	34.404.801.193	36.346.365.550
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.807.110.590	3.201.467.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.819.844.517	9.450.005.303
- Chi phí khác bằng tiền	4.300.180.027	7.107.684.883
Cộng	<u>64.143.427.903</u>	<u>67.464.653.223</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.279.038.000	1.286.012.000
Cộng	<u>1.279.038.000</u>	<u>1.286.012.000</u>

03. Thông tin về bộ phận

- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.
- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.536.185.234	-	11.022.762.663	-	13.536.185.234	11.022.762.663
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.114.197.952	-	11.667.616.612	(346.005.769)	11.114.197.952	11.321.610.843
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000
Cộng	38.150.383.186	-	36.190.379.275	(346.005.769)	38.150.383.186	35.844.373.506

Giá trị sổ sách

Số cuối năm	Số đầu năm
4.144.799.394	3.112.930.952
112.118.215	239.578.065
4.256.917.609	3.352.509.017

Giá trị hợp lý

Số cuối năm	Số đầu năm
4.144.799.394	3.112.930.952
112.118.215	239.578.065
4.256.917.609	3.352.509.017

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	4.144.799.394	3.112.930.952
Các khoản phải trả khác	112.118.215	239.578.065
Cộng	4.256.917.609	3.352.509.017

Ghi chú: Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.144.799.394	-	-	4.144.799.394
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	112.118.215	-	-	112.118.215
Cộng	4.256.917.609	-	-	4.256.917.609
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	3.112.930.952	-	-	3.112.930.952
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	239.578.065	-	-	239.578.065
Cộng	3.352.509.017	-	-	3.352.509.017

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng

Lê Thanh Hiếu

Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2022

GIAM ĐỐC

Handwritten signature of Nguyễn Khắc Em

Nguyễn Khắc Em